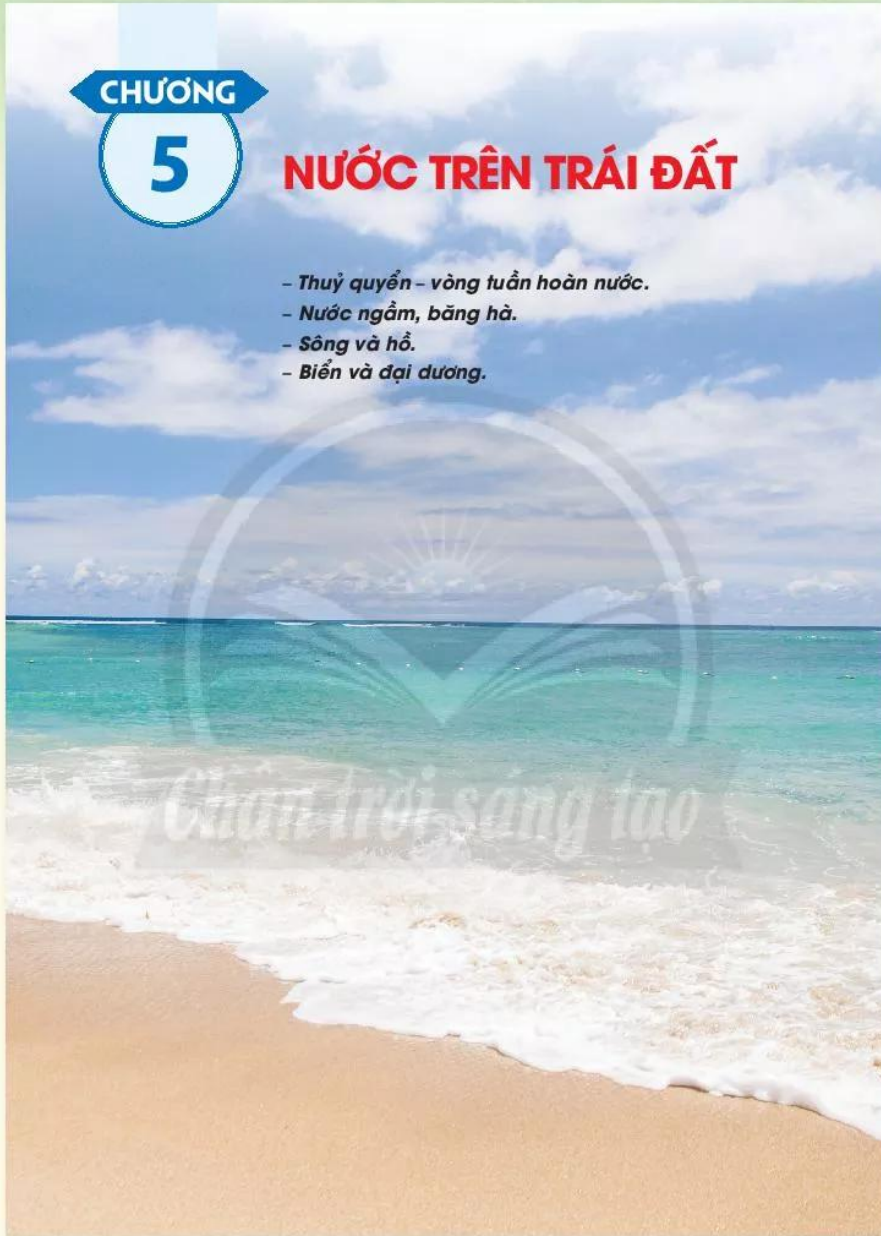


CHƯƠNG

5

## NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT

- Thủy quyển – vòng tuần hoàn nước.
- Nước ngầm, băng hà.
- Sông và hồ.
- Biển và đại dương.



## KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

### HỌC SINH HỌC VỀ:

- Thủy quyển, thành phần chủ yếu của thủy quyển.
- Vòng tuần hoàn nước.
- Nước ngầm và băng hà.

### HỌC SINH HỌC ĐỂ:

#### 1. Phát triển năng lực địa lí

- Kể tên được các thành phần của thủy quyển.
- Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.
- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

#### 2. Phát triển năng lực chung

Tăng cường khả năng tự học.

#### 3. Hình thành phẩm chất

Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

## KHỞ ĐỘNG BÀI HỌC

- Dẫn nhập vào chương: Sử dụng các câu thơ trong bài thơ "Lệ" (1957) của nhà thơ Xuân Diệu: "Trái Đất ba phần tư nước mắt", "Đi như giọt lệ giữa không trung" giới thiệu chương Thủy quyển.
- Dẫn nhập vào bài: GV sử dụng phần dẫn nhập trong SGK để giới thiệu bài học. Hoặc đặt một số câu hỏi liên quan đến việc sử dụng nước (Chẳng hạn: Hằng ngày em đã sử dụng nước như thế nào? Nước bắt nguồn từ đâu?) cho HS trả lời từ đó vào bài.



## THUY QUYỂN. VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC. NƯỚC NGẦM, BĂNG HÀ (4 tiết)

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể được tên các thành phần chủ yếu của thủy quyển.
- Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.
- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

Trái Đất không giống với bất kì một hành tinh nào trong hệ Mặt Trời vì Trái Đất có nước. Nhờ có nước, Trái Đất trở thành một hành tinh có sự sống. Nước trên Trái Đất gồm những thành phần nào? Các thành phần này liên quan với nhau ra sao? Nước bao bọc khắp hành tinh, vì sao nhân loại vẫn lo thiếu nước?

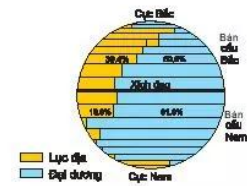
### I. THUY QUYỂN, THÀNH PHẦN CHỦ YẾU CỦA THUY QUYỂN



Dựa vào hình 16.1, em hãy nêu và so sánh:

- Tỷ lệ diện tích lục địa và đại dương ở bán cầu Bắc.

- Tỷ lệ diện tích lục địa và đại dương ở bán cầu Nam.



Hình 16.1. Tỷ lệ diện tích lục địa và đại dương ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam

Trên bề mặt Trái Đất, đại dương chiếm gần 3/4 diện tích, trong khi đó lục địa chỉ chiếm trên 1/4 diện tích. Nước trên Trái Đất không chỉ có ở đại dương. Nước có ở khắp nơi tạo thành một lớp bao quanh Trái Đất.

166

## HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN I

### Hoạt động khám phá 1: Thủy quyển, thành phần chủ yếu của thủy quyển

- *Nhiệm vụ 1.* Tìm hiểu về tỉ lệ lục địa và đại dương trên Trái Đất.

Yêu cầu từng HS quan sát hình 16.1 trả lời các câu hỏi trong SGK nhằm khắc sâu ý: Trái Đất gần 3/4 là nước, lục địa chỉ chiếm trên 1/4, kết hợp phân tích phần nội dung kênh chữ, cho ví dụ để HS hiểu và ghi nhớ được ý: nước hiện diện ở khắp nơi, bao quanh khắp Địa Cầu. Từ đó chuyển ý đến nội dung tiếp theo.



## HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN I

**Nhiệm vụ 2.** Tìm hiểu về các thành phần của thủy quyển

- Khai thác hình 16.2. Nước trên Trái Đất: GV đặt câu hỏi: Quan sát hình 16.2 em hãy cho biết nước có ở đâu? GV có thể cho HS làm việc nhóm hoặc cá nhân quan sát hình để trả lời câu hỏi trên. Có thể sử dụng các câu hỏi hỗ trợ (Xác định các đối tượng có trong hình: sông, hồ, biển, nước ngầm, mây, băng, tuyết; trả lời câu hỏi chính *Nước có ở đâu?*, từ đó gợi ý cho HS xác định: *Các thành phần chủ yếu của thủy quyển*).

## HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN II

**Hoạt động khám phá 2: Vòng tuần hoàn nước**

Phương án 1:

- Bước 1. Cho HS xem video clip về vòng tuần hoàn nước.

- Bước 2. Hướng dẫn HS làm bài tập 16.2 và 16.3 trong SBT, từ đó hình thành kiến thức về vòng tuần hoàn nước (mô tả và phân biệt được vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn).
- Bước 3. Hướng dẫn HS khai thác phần nội dung kênh chữ để nhận thức được ý nghĩa của vòng tuần hoàn lớn của nước.

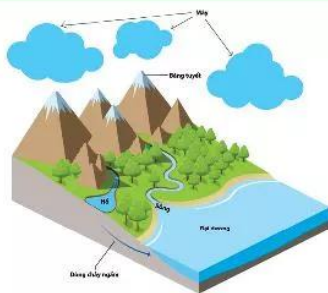
Phương án 2: HS khai thác hình 16.3 dựa vào phần hướng dẫn dưới đây:

- Xác định và kể tên các đối tượng được biểu hiện trong sơ đồ (Hình 16.3).
- Quan sát các mũi tên đi lên (đi thẳng và đi ngang) để xác định nước bốc hơi từ đâu và tồn tại ở dạng nào trong bầu khí quyển.
- Xác định nước rơi xuống ở những dạng nào?
- Xác định sông, suối, đại dương, nước ngầm.
- Quan sát các mũi tên còn lại (đi xuống), mô tả đường đi của nước mưa và tuyết.
- Xác định và mô tả vòng tuần hoàn nhỏ.
- Xác định và mô tả vòng tuần hoàn lớn, nêu ý nghĩa của vòng tuần hoàn lớn (kết hợp với phần nội dung kênh chữ).
- So sánh để phân biệt vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn.



Quan sát hình 16.2 và đọc thông tin trong bài, em hãy cho biết nước có ở những đâu trên Trái Đất?

Lớp nước bao phủ trên Trái Đất được gọi là thủy quyển, bao gồm: nước trong các biển, các đại dương; nước trên lục địa (sông, hồ, băng, tuyết, nước ngầm,...) và hơi nước trong khí quyển.

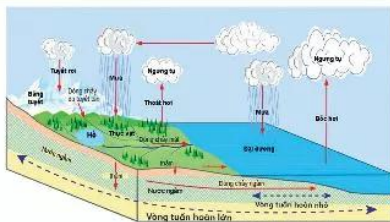


Hình 16.2. Nước trên Trái Đất

### II. VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC



Quan sát hình 16.3 và đọc thông tin trong bài, em hãy mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước.



Hình 16.3. Vòng tuần hoàn nước

Nước luôn chuyển động trên Trái Đất theo những chu trình khép kín gọi là vòng tuần hoàn nước. Vòng tuần hoàn nước gồm: vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn. Vòng tuần hoàn nhỏ chỉ có hai giai đoạn: bốc hơi và nước rơi. Vòng tuần hoàn lớn có thể trải qua ba giai đoạn: bốc hơi, nước rơi và dòng chảy; hoặc bốn giai đoạn: bốc hơi, nước rơi, thấm và dòng chảy. Vòng tuần hoàn lớn có thể đưa nước đến hầu khắp mọi nơi trên Trái Đất.

167

## HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN III

### Hoạt động khám phá 3: Nước ngầm và băng hà Nhiệm vụ 1. Nước ngầm

- Khai thác hình 16.4: GV hướng dẫn HS thực hiện các bước sau:
- + Xác định tỉ lệ nước mặn và nước ngọt. Nước mặn chủ yếu ở đâu?
- Kết luận về tỉ lệ nước ngọt trên Trái Đất.
- + Xác định cơ cấu nước ngọt: Tồn tại ở những dạng nào, dạng nào nhiều nhất?
- HS bước đầu hình dung tầm quan trọng của nước ngầm.
- + Xác định cơ cấu nước mặt ngọt: tồn tại ở những dạng nào, dạng nào nhiều nhất?
- Kết luận về tỉ lệ lượng nước ngọt con người có thể sử dụng được trong thủy quyển. → HS bước đầu nhận thức được lượng nước ngọt trên bề mặt Trái Đất chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong tổng lượng nước trên Trái Đất. → HS dần có ý thức bảo vệ nguồn nước ngọt.
- + Kết hợp với mục Em có biết và phần nội dung kênh chữ để từ đó nêu được tầm quan trọng của nước ngầm.
- Lưu ý: GV có thể thiết kế phiếu học tập theo các gợi ý trên.

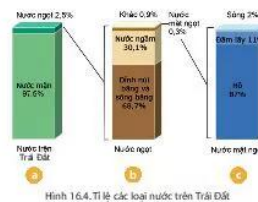
### III. NƯỚC NGẦM VÀ BĂNG HÀ

#### 1. Nước ngầm



Quan sát hình 16.4 và đọc thông tin trong bài, em hãy:

- So sánh tỉ lệ giữa nước mặn và nước ngọt trên Trái Đất.
- Cho biết tỉ lệ nước ngầm trong tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất.
- Nêu tầm quan trọng của nước ngầm.



Hình 16.4. Tỉ lệ các loại nước trên Trái Đất



#### Em có biết?

Trên lục địa nước ngầm nhiều hơn tất cả nước sông, hồ, đầm... cộng lại. Phần lớn nước ngầm là do nước trên bề mặt đất thấm xuống. Công dụng quan trọng nhất của nước ngầm là cung cấp nước cho sinh hoạt. Ngoài ra, nước ngầm còn là nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

Nước ngầm là nước nằm dưới bề mặt đất do nước mưa, băng tuyết tan và sông hồ thấm vào mặt đất mà thành. Nước ngầm còn là nguồn cung cấp nước cho sông và hồ. Nước ngầm chiếm khoảng 30% tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất. Nước ngầm phân bố khắp nơi, là nguồn nước ngọt quan trọng cho thế giới. Sử dụng nguồn nước ngầm theo hướng phát triển bền vững đang là vấn đề cần sự quan tâm của toàn nhân loại.

#### 2. Băng hà



Quan sát hình 16.4, 16.5 và đọc thông tin trong bài, em hãy:

- Kể tên những nơi có băng hà.
- Xác định tỉ lệ băng hà trong tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất.
- Nêu tầm quan trọng của băng hà.

168

## HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN III

### Nhiệm vụ 2. Băng hà

- Bước 1. Quan sát hình 16.4 và đọc đoạn một của phần nội dung kênh chữ để xác định nơi phân bố băng hà trên Trái Đất.
- Bước 2. GV giới thiệu về sự phân bố băng hà trên bản đồ tự nhiên thế giới.
- Bước 3. Khai thác mục Em có biết và đoạn hai của phần nội dung kênh chữ, kết hợp với khai thác hình 16.4 (xác định tỉ lệ băng hà trong tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất) để nêu tầm quan trọng của băng hà.



Hình 16.5. Băng hà ở hai vùng cực và trên núi



**Em có biết?**

*Gan-gô-tri (Gangatri) là một trong những sông băng lớn nhất trong dãy Hi-ma-lây-a. Đây là nơi bắt nguồn và cũng là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sông Hằng vào mùa khô. Sông Hằng có ý nghĩa rất lớn đối với Ấn Độ và Băng-lô-đét (Bangladesh). Đây là nơi cung cấp nước ngọt và nguồn thủy năng quan trọng nhất cho hai quốc gia này.*

(Nguồn: Sông băng, Hiệp hội Địa lí Quốc gia Hoa Kỳ)

Trên Trái Đất, 99% băng hà phân bố ở các vùng cực. Trong đó, Nam Cực chiếm 90% diện tích băng trên thế giới. Phần băng còn lại có thể được tìm thấy ở các dãy núi vùng ôn đới và các đảo ở vùng vĩ độ cao. Ở giữa hai vĩ tuyến 35° Bắc và Nam, băng hà chỉ xuất hiện ở các dãy núi cao.

Băng hà là nguồn cung cấp nước quan trọng cho các sông ở miền ôn đới hay các sông bắt nguồn từ núi cao. Băng hà còn là nguồn dự trữ nước ngọt lớn nhất trên Trái Đất.



**LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

**Luyện tập**

1. Hãy kể tên các thành phần chủ yếu của thủy quyển.
2. Hãy tìm ví dụ cho thấy nước ngầm có tham gia vào vòng tuần hoàn lớn của nước.

**Vận dụng**

*Nguồn nước ngọt hiện nay bị ô nhiễm nặng nề. Hãy tìm hiểu một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước ngọt ở địa phương em.*

**HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG**

**Luyện tập**

GV chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một câu trong phần Luyện tập.

**Câu 1.** Các thành phần chủ yếu của thủy quyển: nước trong các biển, các đại dương; nước trên lục địa và hơi nước trong khí quyển.

**Câu 2.** Nước ngầm có tham gia vào vòng tuần hoàn lớn của nước khi vòng tuần hoàn lớn trải qua bốn giai đoạn: bốc hơi, nước rơi, ngấm (nước ngầm) và dòng chảy.

**Vận dụng**

GV hướng dẫn và giao nhiệm vụ học tập cho HS thực hiện ở nhà.

Tìm hiểu về tình hình ô nhiễm nguồn nước ngọt trên thế giới, ở Việt Nam và tại địa phương qua khai thác thông tin trên internet.

**LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN**

**GV cần chuẩn bị**

- Các hình: Vòng tuần hoàn nước, Cơ cấu nước trên Trái Đất, Cơ chế hình thành nước ngầm, Quá trình hình thành băng hà.
- Bản đồ Địa lí tự nhiên thế giới.
- Các đoạn video clip về vòng tuần hoàn nước và băng hà/các câu chuyện.

**GV yêu cầu HS chuẩn bị**

Tìm hiểu các dạng tài nguyên nước có tại địa phương: sông, suối, hồ, biển,...